

KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐÀ

Bản cập nhật tháng 8/2014

<http://kinhmatgiao.wordpress.com>

KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA
ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
(Trích trong Kinh **Kim Cương Du Già**)

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tằng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiên_Tam Tạng Sa Môn **BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Thứ Nhất: Nói rõ năm vị Bồ Tát hiện Uy Đức

1_Phương Đông: **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva)

Kinh: “Phương Đông có Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát, tay cầm chày Kim Cương, phóng ánh sáng màu xanh, cùng với bốn **Câu Chi** (Koṭi: một trăm triệu) Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy”

Giải rằng: “**Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi): Y theo bản Phạm Kinh **Kim Cương Đỉnh Du Già** mà Tam Tạng đã trì, nói rằng: “Đủ hai nghĩa *bền chắc, sắc bén* vậy”. Y theo Kinh ấy thì năm vị Bồ Tát như thế, y theo hai loại **Luân** (cakra) mà hiện thân có khác nhau.

Một là **Pháp Luân** (Dharma-cakra-kāya: Pháp Luân Thân): Hiện thân chân thật, do sự báo đáp của Nguyên đã tu hành mà được Thân

Hai là **Giáo Lệnh Luân** (Ādeśana-cakra-kāya: Giáo Lệnh Luân Thân) là thân uy nộ, do khởi **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) mà hiện uy mãnh

Vị Kim Cương Thủ tức là **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva). Tay cầm chày Kim Cương biểu thị cho việc khởi **Chính Trí** giống như Kim Cương (Vajra) hay chặt đứt chướng vi tế của **Ngã, Pháp**.

Y theo **Giáo Lệnh Luân** hiện làm **Uy Nộ Giáng Tam Thế Kim Cương** (Trailokya-vijaya-vajra) có bốn cái đầu tám cánh tay, tỳ phục tất cả **Ma Hề Thủ La** (Maheśvara), **Đại Tự Tại Thiên** (Īśana), các chúng Ma Quân. Cùng với **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛtarāṣṭra-deva-rāja) ở phương Đông cùng đem vô lượng chúng **Càn Thát Bà** (Gandharva), chúng **Tỳ Xá Đồ** (Piśaca) để làm **Quyển Thuộc** (Parivāra) và bốn câu chi Bồ Tát đi đến hộ giúp nước ấy

2_Phương Nam: **Kim Cương Bảo Bồ Tát** (Vajra-maṇi-bodhisatva)

Kinh: “Phương Đông có Kim Cương Bảo Bồ Tát Ma Ha Tát, tay cầm Kim Cương Ma Ni, phóng ánh sáng màu mặt trời, cùng với bốn **Câu Chi** (Koṭi) Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy”

Giải rằng: “Nói **Kim Cương Bảo** như **Kinh** ấy nói là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva) vậy.

Y theo **Pháp Luân** lúc trước hiện Thân thắng diệu, tu Hạnh **bồ thí**, ba Luân trong sạch, tay cầm **Kim Cương Ma Ni** (Vajra-maṇi), tiếng Phạm nói **Ma Ni** (Maṇi), ở đây phiên dịch là **báu**. Thể trong sạch bền kín giống như Kim Cương tức là báu Kim Cương Như Ý, tùy theo chỗ mong cầu của các hữu tình đều được.

Y theo **Giáo Lệnh Luân** hiện làm **Uy Nộ Cam Lộ Quân Trà Lợi Kim Cương** (Amṛta-kuṇḍali-vajra) hiện bày tám cánh tay, tỳ phục tất cả chúng **A Tu La** (Asura), quyển thuộc, các Quỷ Thần ác. Khiến điều phục loài nảo hại hữu tình, loài gây bệnh

dịch, cho nên phóng ánh sáng màu mặt trời, hiển việc hay trừ khiến hàng **Tu La** (Asura) cùng với **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūdhaka-deva-rāja) ở phương Nam với đem vô lượng chúng **Cung Bạ Trà** (Kumbhaṇḍa), chúng **Bệ Lệ Đa** (Preta) để làm quyến thuộc.

Bốn Câu Chi: Một **Câu Chi** (Koṭi) thì **Kinh Hoa Nghiêm** (Avataṃsaka-sūtra) nói “một trăm **Lạc Xoa** (Lakṣa) làm một **Câu Chi**” Tức ngay ở phương này (Trung Quốc) là một trăm ức (*tức một trăm triệu*) vậy. Ba **Câu Chi** còn lại dựa theo đây nên biết. Cùng với Chúng như vậy đi đến hộ giúp nước ấy.

3_ Phương Tây: **Kim Cương Lợi Bồ Tát** (Vajra-tiṣṣṇa-vajra)

Kinh: “Phương Tây có Kim Cương Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát, tay cầm cây kiếm Kim Cương, phóng ánh sáng màu vàng ròng, cùng với bốn **Câu Chi** (Koṭi) Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy”

Giải rằng: “Nói **Kim Cương Lợi** như **Kinh** ấy nói là **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśī-bodhisatva) vậy.

Y theo **Pháp Luân** lúc trước hiện Thân thắng diệu, viên mãn Chính Trí, được tự tại. Tay cầm cây kiếm Kim Cương biểu thị cho chỗ đã làm, hay chặt đứt **Câu Sinh Chướng** của ta người.

Y theo **Giáo Lệnh Luân** hiện làm **Uy Nộ Lục Túc Kim Cương** (Saḍa-pāda-vajra, tức là Yamāntaka) có sáu bàn tay, sáu cánh tay, ngồi trên con trâu, tồ phục tất cả các loài Rồng độc ác. Khiến điều phục loài hung khởi gió mưa ác gây tổn hại hữu tình, cho nên phóng ánh sáng màu vàng ròng, hiển trừ khiến hàng Rồng ác, cùng với **Quảng Mục Thiên Vương** (Virūpākṣa-deva-rāja) ở phương Tây với vô lượng các **Rồng** (Nāga), chúng **Phú Đan Na** (Pūtana) để làm quyến thuộc, cùng với bốn câu chi Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy.

4_ Phương Bắc: **Kim Cương Dược Xoa Bồ Tát** (Vajra-yakṣa-bodhisatva)

Kinh: “Phương Bắc có Kim Cương Dược Xoa Bồ Tát Ma Ha Tát, tay cầm cái chuông Kim Cương, phóng ánh sáng màu lưu ly, cùng với bốn **Câu Chi** (Koṭi) Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy”

Giải rằng: “Tiếng Phạm nói là **Dược Xoa** (Yakṣa), đây nói là *uy đức*. Lại phiên dịch là *tận hết* vì hay tận hết các Oán. Như **Kinh** kia nói là **Tồi Nhất Thiết Ma Oán Bồ Tát** vậy

Y theo **Pháp Luân** lúc trước hiện Thân thắng diệu, viên mãn Sự Trí, được tự tại. Tay cầm cái chuông Kim Cương, Âm ấy chấn kích giác ngộ hữu tình, biểu thị cho việc dùng **Bát Nhã** cảnh tỉnh quần mê vậy.

Y theo **Giáo Lệnh Luân** hiện làm **Uy Nộ Tịnh Thân Kim Cương** (Śuddha-Kāya-vajra) hiện bày bốn cánh tay, tồ phục tất cả Dược Xoa đáng sợ. Khiến điều phục loài thường trụ ở ban đêm tìm cầu phương tiện cướp đoạt Tinh Khí của con người, gây hại cho hữu tình, cho nên phóng ánh sáng màu Lưu Ly, hiển việc hay trừ khiến hàng Dược Xoa, cùng với **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-deva-rāja) ở phương Bắc với đem vô lượng Chúng Dược Xoa, chúng **La Sát Sa** (Rākṣasa) để làm quyến thuộc, cùng với bốn câu chi Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy.

5_ Phương chính giữa: **Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Vajra-pāramitā-bodhisatva)

Kinh: “Phương chính giữa có Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát Ma Ha Tát, tay cầm bánh xe Kim Cương, phóng ánh sáng năm màu, cùng với bốn **Câu Chi** (Kotī) Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy”

Giải rằng: “Nói **Kim Cương Ba La Mật Đa**. Đây nói là *đến bờ bên kia*. Như **Kinh** kia nói là **Chuyển Pháp Luân Bồ Tát** vậy

Y theo **Pháp Luân** lúc trước hiện Thân thắng diệu, viên mãn Hạnh Nguyên, trụ địa vị **Đẳng Giác**, tay cầm bánh xe Kim Cương. Khi Đức **Tỳ Lô Giá Na** bắt đầu thành **Chính Giác** thời thỉnh chuyên bánh xe Pháp, dùng để biểu thị. Lại dùng bánh xe Pháp hóa đạo hữu tình khiến cho vô lượng vô số đến bờ bên kia.

Y theo **Giáo Lệnh Luân** hiện làm **Uy Nộ Bất Động Kim Cương** (Acala-vajra) tòi phục tất cả Quỷ My mê loạn. Khiến điều phục các điều chướng não, cho nên phóng ánh sáng năm màu, hiện đầy đủ mọi Đức, phá các Ám lúc trước, cùng với Thiên Đê Thích với đem vô lượng chư Thiên để làm quyến thuộc, với bốn câu chi Bồ Tát đi đến hộ giữ nước ấy.

Thứ hai: Nghi Quỹ dựng lập Mạn Trà La

Phàm y theo **Kinh** dựng lập **Mạn Trà La** (Maṇḍala:Đạo Trường) bảo vệ đất nước, bảo vệ nhà, bảo vệ thân, trừ tai nạn, chuyển chướng ngại, từ Phàm thành Thánh, tu hành **Du Già** (Yoga) đến **cứu cánh** (Uttara)

Trước tiên ở nơi thanh khiết vắng lặng, nơi có **Xá Lợi** (Śarīra) là thù thắng nhất. Hoặc ở tịnh thất. Hoặc ở nơi chôn tại núi, rừng, hang hốc. Hoặc ở chỗ mà hai con sông hợp giòng chảy. Hoặc ở vườn rừng có hoa quả xum xuê, bên cạnh ao hoa sen. Hoặc ở nơi có Hiền Thánh đắc Đạo với nơi mà Hành Giả yêu thích. Hoặc ở trên thuyền, trên lầu gác, trên tảng đá. Hoặc ở dưới cây trong rừng ưa thích. Chọn những nơi như vậy, dựng lập Mạn Trà La.

Vào ngày Cát Tường (ngày tốt), đào đất sâu hai khuỷu tay; rộng bốn khuỷu tay, sáu khuỷu tay cho đến mười khuỷu tay. Trừ bỏ ngói, đá vụn, tóc, lông, tro, xương cốt, các vật tạp uế đều trừ bỏ hết. Chọn riêng đất sạch, đất bên bờ hai con sông...như Pháp làm Đàn. Ở chỗ đào xới không có các vật dơ uế, rồi lại lấp đầy đất cũ

Nếu đất có dư thừa thời là đất tối thượng, cầu nguyện mau mắn. Nếu lấp vừa bằng phẳng thời là đất bậc trung, ước nguyện cũng thuộc bậc trung. Nếu lấp chẳng đủ thời là đất bậc hạ, ước nguyện đến chậm, khó được thành tựu.

Lấp đắp đất bằng phẳng xong. Nếu ở dưới tháp **Xá Lợi**, trên thuyền, trên lầu gác, trên tảng đá với đất trong sạch không có trược uế...liền như Pháp dựng lập Mạn Trà La. Tức chẵn nên đào xới

Ở chính giữa Đàn đã đắp đất bằng phẳng xong, chọn ngày Cát Tường, lúc ngày mới bắt đầu thời đào sâu một xích (1 thước Tàu) rộng ngang cũng như thế. Đem hạt giống của năm loại lúa đậu với các hương dược...đều lấy chút phân để ở giữa, tụng **Địa Thiên Chân Ngôn** là

“Năng mạn tam mạn đa một đà nam. Tất-ly xỉ vi-duệ, sa-phộc ha”

ॐ: मम नृ वृक्ष नृ पृथिवी नृ सूक्ष्म

Namaḥ samanta-buddhānāṃ Pṛthivīye svāhā

Tụng 21 biến gia trì nhóm hương, an trí ở chỗ đã đắp đất bằng phẳng bên trong ấy.

Tiếp theo ở trên Đàn, ngòi hướng mặt về phương Đông. Ở chính giữa Đàn, rộng ngang một khuỷu tay, lấy các nước thơm xoa tô một cái Đàn tròn, đem các hoa mùa rải khắp bên trên, với đem sữa, cháo, quả trái quý báu, thức ăn uống...chí Tâm cúng dường.

Dùng bàn tay phải đè trên cái Đàn ấy, tụng **Địa Thiên Chân Ngôn** 108 biến. Liên nói **Kệ** rằng:

“Ngài ! Trời ở chỗ Phật
Gần chứng thành Chính Giác
Tôi dựng Mạn Trà La
Nên nguyện thường gia hộ”

Tụng **Kệ** ba biến, liền lấy **Cỏ Ma Di** (Gomayī: phân bò) chưa rơi xuống đất, dùng vật sạch sẽ hòa các nước thơm. Tụng Chân Ngôn lúc trước gia trì 21 biến.

Tức từ góc Đông Bắc của Đàn, dùng bàn tay phải dần dần theo thứ tự, như Pháp xoay theo bên phải xoa tô. Tụng Chân Ngôn lúc trước đến khi xoa tôn Đàn xong, chẳng được gián đoạn, đừng nói lời khác.

Đàn đã khô xong, lại dựa theo Pháp lúc trước, thuận dùng nước cốt của **Cỏ Ma Di** (phân bò) như trước xoa tô lần nữa, tụng Chân Ngôn lúc trước kèm theo đều như bên trên.

Khô xong, lại lấy hạt sen, cỏ, hoặc là **Thục Quỳ**, hoặc lá **Long Quỳ** đâm giã, dùng xoa vuốt, tô điểm khiến cho Đàn được sạch sẽ. Tiếp theo ở trên Đàn, giương cái lọng màu xanh lớn nhỏ tương xứng với Đàn, nhiều quanh Đàn treo 24 cái Phan

Tiếp theo ở trong Đàn, như Pháp tô vẽ. Người vẽ phải tắm gội, mặc áo sạch mới, thọ nhận **Cận Trụ Giới**.

Đàn ấy có ba lớp, dùng dùng keo làm bằng da thú, nên dùng các **Hương Giao**. (keo làm bằng các loại hương). Nếu không có Hương Giao thì chưng nấu gạo nếp lấy nước cốt, để hòa với màu sắc tô vẽ

Ở chính giữa Đàn vẽ bánh xe có 12 cây cãm, phương Đông vẽ cái chày Ngũ Cổ Kim Cương, phương Nam vẽ búa Kim Cương, phương Tây vẽ cây kiếm Kim Cương, phương Bắc vẽ cái chuông Kim Cương.

Năm việc bên trên này tức là Khế Bí Mật mà Bồ Tát ở năm phương đã cầm trong tay

Góc Đông Nam vẽ cái chày Tam Cổ Kim Cương, góc Tây Nam vẽ cái mào búa, góc Tây Bắc vẽ cây đàn **Không Hầu** (Vīṇā), góc Đông Bắc vẽ cái chày Yết Ma Kim Cương

Ngay trên bốn góc, để bốn cái **Hiền Bình** bằng vàng, bạc, đồng, sứ, gạch ngói mới cũng được...nhận một thặng trở xuống. Bình chứa đầy nước; cắm cành nhánh, hoa...dùng lụa bốn màu đều dài bốn Xích (4 thước Tàu) xanh, vàng, đỏ, xanh lục...như bên trên theo thứ tự cột bốn cái cổ bình.

Tiếp theo, lớp thứ ba: cửa Đông vẽ móc câu Kim Cương, cửa Nam vẽ sợi dây Kim Cương, cửa Tây vẽ sợi xích Kim Cương, cửa Bắc vẽ cái chuông Kim Cương, góc Đông Nam vẽ lò hương, góc Tây Nam vẽ lá sen, ở chính giữ vẽ hoa tạp, góc Tây Bắc vẽ ngọn đèn, góc Đông Bắc vẽ vật khí chứa hương xoa bôi. Nơi đã vẽ đều có lửa sáng

Bên ngoài ba lớp Đàn này có một lớp **Giới Đạo**, bốn mặt vẽ cái cửa ngay **Giới Đạo** bên ngoài

Ở bốn góc Đàn, đóng cây cọc gỗ **Khư Đà La**. Nếu không có cọc gỗ này thì dùng cọc sắt, cọc gỗ Tứ Đàn cũng được, dài 12 ngón tay, lún xuống đất bốn ngón tay. Tụng **Kim Cương Chân Ngôn** thứ ba ở phần bên dưới, gia trì vào cây cọc 21 biến xong, sau đó đóng xuống

Dùng sợi tơ ngũ sắc, khiến Đồng Nữ xe hạp theo bên phải, thô tế như ngón tay nhỏ, dùng cột buộc đầu cây cọc, vây chung quanh trên Đàn.

Ở bốn cửa Đàn, để bốn lò hương, thiêu đốt hương của nhóm: Trầm, Đàn, Huân Lục, Tô Hợp...Ở bốn góc Đàn, vẽ cái chày **Tam Cổ Bán Kim Cương** (tức vẽ nửa phần của cái chày Tam Cổ)

Trên bốn góc đều thấp một chén đèn. Ở bên ngoài bốn cửa, hai bên trái phải đều để hai cái chén sứ (vàng, bạc, đồng đều được) chứa đầy nước thơm Át Già, mỗi thời đều thay đổi nước ấy, rưới vẩy nơi sạch sẽ ấy, chẳng được dẫm đạp lên.

Nếu như có sự yêu cầu thì 7 ngày, 14 ngày cho đến 21 ngày. Tức mỗi ngày, sáng sớm dùng tám cái bát cháo sữa nhỏ, tám cái bát Cơm trộn sữa đặc nhỏ, tám lớp quả trái quý báu xếp chồng lên nhau, tám lớp bánh giòn ngọt xếp chồng lên nhau. Ngày ngày thay đổi thứ mới, tinh khiết, cung kính cúng dường.

Nếu chẳng có yêu cầu thì tâm thường cúng dường, đốt hương, thấp đèn, Át Già, hương xoa bôi với hái hoa mùa... ngày thường cúng dường. Ngày 14, 15 của tháng. Ở hai ngày này dùng nhóm cháo, cơm, quả trái như bên trên, cúng dường

Vì đất nước, vì nhà, vì bản thân mình: trừ tai nạn thời ngòi hướng mặt về phương Bắc, quán tưởng Bản Tôn với các thứ cúng dường đều là màu trắng, vắng lặng tụng thâm.

Vì cầu **Tăng Ích** thì ngòi hướng mặt về phương Đông, tưởng nhóm Bản Tôn đều là màu vàng, vui vẻ vắng lặng, tụng chẳng phát ra tiếng.

Vì cầu **Giáng phục** thì ngòi hướng mặt về phương Nam, tưởng nhóm Bản Tôn đều là màu xanh đen, bên trong khởi Đại Bi, bên ngoài hiện uy nộ, lớn tiếng niệm tụng.

Vì cầu **Kính Ái** thì ngòi hướng mặt về phương Tây, tưởng nhóm Bản Tôn đều là màu đỏ, dùng tâm vui giận, tụng phát ra tiếng.

Tùy theo bốn loại này. Nếu **Tức Tai** thì từ ngày mồng một đến ngày mồng tám của tháng.

Nếu cầu **Tăng Ích** thì từ ngày mồng chín đến ngày 15 của tháng.

Nếu cầu **Kính Ái** thì từ ngày 16 đến ngày mồng 22 của tháng.

Nếu **Điều Phục** thì từ ngày 23 đến ngày cuối cùng của tháng.

Dụng lập Đạo Trường xong, rồi lại bắt đầu.

Nếu có việc thiết yếu, chẳng được y theo ngày, chỉ theo ngày đêm, y theo thời dụng lập

Nếu **Tức Tai** thì chọn lúc **Sơ Dạ** (đầu đêm, tức giờ Dậu)

Nếu **Tăng Ích** thì chọn phần **Sơ Nhật** (đầu ngày, tức lúc mặt trời mới mọc)

Nếu **Kính Ái** thì chọn phần **Hậu Dạ** (sau đêm, tức giờ Mão)

Nếu **Điều Phục** thì chọn lúc giữa ngày (giờ Ngọ), giữa đêm (giờ Tý)

Nếu dụng lập Đạo Trường cùng với niệm tụng, bốn loại của nhóm yêu cầu...y theo ngày, thời dùng làm thường.

Tức nếu cầu **Xuất Ly Vô Thượng Bồ Đề** thì người tu Du Già, ngày đêm bốn thời: sau đêm (giờ Mão), giữa ngày (giờ Ngọ), lúc hoàng hôn (giờ Dậu), nửa đêm (giờ Tý) vận Tâm cúng dường thì rất ưu thắng thượng

Đến bên dưới, ngay lập tức, sợ người khó hiểu cho nên vẽ Đan như thế.

Thứ ba: Nghi Quỹ vào Đạo Trường

Nếu Hành Giả vì cầu ngưng dứt tai nạn (**Tức Tai**:Sāntika), trước tiên nên tắm gội, mặc áo mới sạch. Nếu là người Tại Gia thời thọ nhận **Cận Trụ Giới**, nên khởi tâm ân trọng Đại Thừa, muốn cầu thành tựu, chẳng tiếc thân mạng. Đối với vô biên hữu tình, rộng khởi Tâm **Bi Nguyện tế độ**. Người như vậy mau được thành tựu.

Vào Đạo Trường xong, cúi năm vóc sát đất, lễ khắp tất cả **Tam Bảo** (Ratnatrāya) trong **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), quỳ gối phải sát đất, sám hối tất cả tội chướng của ba nghiệp, khuyên thỉnh mười phương Phật chuyên bánh xe **Chính Pháp** (Samyag-dharma-cakra), thỉnh các Như Lai trụ lâu dài ở đời, tùy vui với chỗ tu Phước Trí của **ba Thừa** (Tri-yāna). Dùng Công Đức mà Tôi (họ tên...) đã tu thấy đều hồi hướng **Vô**

vời ba lần. Tức chúng Thánh của ba Bộ tràn đầy hư không lúc trước đều y theo Bản Vị (vị trí của mình) chẳng chướng ngại nhau, lặng yên mà trụ. Xong bung tán Ấn trên đỉnh đầu.

7_ **Hiển Át Già Hương Thủy Ấn.** Bên trên trên dùng hai tay nâng vật khí báu Ma Ni chứa đầy nước thơm, để ở tam tinh.



Tụng Chân Ngôn là:

“Án, phộc nhật-lô, na ca, hồng”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

Oṃ _ Vajra-udaka hūṃ

Dựa theo bên trên, tụng ba biến, vận Tâm rộng bày. Tiếp theo tắm gội khắp tất cả chúng Thánh. Xong bung tán Ấn ở trên đỉnh đầu

Do hiển Át Già cho nên từ **Thắng Giải Hạnh Địa** (Adhimokṣa-cārya-bhūmi) cho đến **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi), ở mỗi một **Địa** (Bhūmi), chư Phật Bồ Tát trong mười phương Pháp Giới thấy đều gia hộ các **quán đỉnh** (Abhiṣeka).

8_ **Hiển Bảo Tòa Ấn.** Bên trên để hai tay ngang chắp lại giữa rỗng, hai ngón cái với hai ngón út cùng phụ nhau hơi co lại, đều bung tán sáu ngón còn lại, hơi co như hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:

“Án, ca ma la, sa-phộc ha”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ ।

Oṃ _ Kamala svāhā

Do kết Ấn Khế với tụng Chân Ngôn thì tòa báu đã hiển khiến các chúng Thánh đều nhận dùng như thật, liền khiến cho Hành Giả đến ở trong Quả Vị, đắc được tòa báu Kim Cương bền chắc

9_ **Kết Phổ Cúng Dường Ấn.** Bên trên chắp hai tay lại, năm ngón tay trợ cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, để ở trên trái tim.



Tụng Chân Ngôn là:

“Na mạc tam mạn đa một đà nam. Tát phộc tha khiếm, ô na-nga đế, tát-phả la, hứ hàm, nga nga năng kiếm, sa-phộc ha”

ॐ नमः समन्त बुद्धे नमः सर्वथा खम उदगते स्पहारा हिमाम गगनाकाम स्वहा

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Sarvathā khaṃ udgate sphara hīmaṃ gaganakāṃ svāhā

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn cho nên vận Tâm rộng bày vòng khắp các Đạo Tràng Hải Hội của chư Phật Bồ Tát trong Pháp Giới, tuôn mưa khắp tất cả các vật dụng cúng dường.

Bắt đầu tụng một biến thì vật khí báu nhiều như cát bụi, chứa đầy hương xoa bôi, xoa bôi khắp chúng Thánh.

Tụng biến thứ hai thì mọi loại vòng hoa trang nghiêm khắp cả.

Tụng biến thứ ba thì thiêu đốt mọi loại hương, cúng dường khắp cả.

Tụng biến thứ tư thì tuôn mưa thức ăn uống thượng diệu trong các cõi Trời, để ở vật khí báu, cúng dường khắp cả.

Tụng biến thứ năm thì tuôn mưa các **Ma Ni** (Maṇi) làm đèn sáng cúng dường khắp cả chư Phật Bồ Tát.

Do tụng Chân Ngôn gia trì Lực cho nên nhóm hương đã hiến ở các Hải Hội thấy đều chân thật, chúng Thánh nhận dùng. Hành Giả ở đời đương lai thường được báo đó.

10_ **Kết Bát Nhã Ba La Mật Đa Căn Bản Ấn**. Lại đem hai bàn tay cùng phụ ngược nhau, thâu hai ngón trỏ, co hai ngón út ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón cái đều đè hai ngón trỏ, để ở trên trái tim.



Tụng Đà La Ni trong Kinh bảy biến.

Do kết Ấn này tụng Đà La Ni cho nên tự thân của Hành Giả liền biến thành **Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Prajña-pāramitā-bodhi-satva) mà làm **Mẫu** (Mātr) của tất cả chư Phật

Tượng Bồ Tát ấy, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, thân màu vàng chói, mọi báu, Anh Lạc trang nghiêm khắp thân, đầu đội mào báu, lụa trắng cột buộc mào rủ xuống hai bên, tay trái ngang trái tim cầm **Bát Nhã Phạm Giáp** (rương kinh Bát Nhã), tay phải ngang vú tác Ấn **Thuyết Pháp**, đem ngón cái đè đầu ngón vô danh.

Liên tưởng từ đỉnh đầu cho đến bàn chân của Bồ Tát, các lỗ chân lông trên thân tuôn ra ánh sáng làm mọi màu sắc tràn đầy Pháp Giới. Trong mỗi một ánh sáng, hóa vô lượng Phật tràn khắp cõi hư không trong các Thế Giới, rộng vì gốc rễ tương xứng của chúng sinh, tuyên nói Pháp thâm sâu của **Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Prajña-pāramitā) đều khiến cho hiểu thấu, trụ **Tam Ma Địa** (Samādhi)

Hành Giả tác Quán này xong, bung tán Ấn trên đỉnh đầu, tay cầm tràng hạt (sở châu) để ở trong lòng bàn tay, chắp tay lại ngang trái tim, tụng Chân Ngôn là:

« Ấn, vĩ lô giả na, ma la, sa-phộc ha »

ॐ वैरोचन माला स्वहा

Oṃ_ Vairocana māla svāhā

Tụng ba biến này gia trì tràng hạt, đội trên đỉnh đầu xong, sau đó ngang trái tim, tay trái nâng tràng hạt, tay phải dờ hạt châu, niệm niệm tương ứng, trụ **Phật Mẫu Tam Muội** (Buddha-mātr-samādhī), quán Tâm dừng đề cho gián đoạn, tụng 108 biến, hoặc 21 biến. Đủ biến số xong, liền đội tràng hạt trên đỉnh đầu rồi để tràng hạt ở chỗ cũ (bản xứ)

_ **Kết Tam Ma Địa Ấn**. Duỗi ngang hai bàn tay, bên phải đè bên trái, để ở dưới rốn, ngay thẳng thân, nhắm mắt, đầu hơi cúi xuống, chú Tâm trên trái tim, quán sát kỹ lưỡng trên **Viên Minh Kính Trí**, dài rộng một khuỷu tay, dần dần tràn khắp Pháp Giới, bày chữ thành hàng xoay vòng theo bên phải, thứ tự quán ánh sáng của mỗi một chữ chiếu suốt, từ bên ngoài hướng vào bên trong, đến ở chữ **Địa** (đ: Dhī), từ bên trong hướng ra bên ngoài, dần dần quán các chữ, giáp vòng thì trở lại ban đầu. Đến biến thứ ba thì Tâm khéo tịch định, mỗi mỗi thật rõ ràng, quán nghĩa đã giải thích kỹ lưỡng, chẳng sinh chẳng diệt, mỗi mỗi bình đẳng, đều khắp Pháp Giới, chẳng phải động chẳng phải tĩnh, Định Tuệ kèm vận song song (song vận), lia hẳn các tướng. Tức là **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tam Ma Địa Quán**

Từ đây muốn kết **Bát Nhã Ba La Mật Đa Ấn**, tụng Đà La Ni bảy biến, rồi bung tán Ấn trên đỉnh đầu.

_ Tiếp theo, kết **Phổ Cúng Dường Ấn**, như lúc trước vận Tâm thứ tự cúng dường. Đối trước chúng Thánh, hồi hướng Công Đức đã sinh ra do sự đã tu tập, đem hết vốn liếng giúp cho các Nguyện đã mong cầu, vì đất nước, vì nhà, đầy đủ Lợi Tha. Sau đó quay lại ban bố cho chúng sinh, quay về nghiêm cõi Tịnh, hồi hướng thật tề, quay về cầu **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), nguyện cùng với hữu tình mau đến bờ bên kia (bờ giải thoát)

_ Tiếp theo, kết **Kết Giới Ấn** lúc trước, tụng Chân Ngôn ba biến, chuyển theo bên trái, liền thành **Giải Giới**

_ Tiếp theo, kết ba Bộ Ấn lúc trước, tụng Chân Ngôn lúc trước ba biến, đều đem ngón cái hướng ra ngoài bật phát, liền thành **Phát Khiển**, chúng Thánh đều quay về cõi nước của mình (bản thổ)

Hành Giả làm lễ rồi lui ra, như thường đi **Kinh Hành** (Caṅkramaṇa), thọ trì đọc tụng **Đại Thừa** (Mahā-yāna), đừng cho tán động vậy.

Thứ tư: Giải thích Pháp Đà La Ni Văn Tự Quán Hạnh

_ **Na mô** (Namo) [*Đây nói là quy mệnh*]

La dát-năng (Ratna) [*Đây nói là báu*]

Đát-la dạ gia (Trayāya) [*Đây nói là ba*]

Thuận theo phương này (Trung quốc) nói là: *Quy mệnh Tam Bảo*. Ấy là do người trì Kinh, tụng Đà La Ni, nên Mật Ngữ liền nói là *Quy mệnh Tam Bảo*

Vì sao nên **Quy** vậy ? Ấy là Bản Phạm Kinh **Kim Cương Đỉnh Du Già** nói rằng:

Vì **Quy y Phật** cho nên liền được chư Phật, tất cả Bồ Tát của năm nhóm Bồ Tát cùng với vô lượng quyến thuộc đều đi đến gia hộ. Ấy là các Bồ Tát tôn kính **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), thấy người phát Tâm Bồ Đề quy y Phật nên thường gia hộ

Người **Quy y Pháp** liền được **Đế Thích** (Indra) và các quyến thuộc, bốn vị Thiên Vương đều đi đến gia hộ. Ấy là xưa kia do Đế Thích nhân lúc nguy nạn được Pháp Bát Nhã gia hộ được lợi ích.

Người thường tôn kính **quy y Tăng** liền được Trời **Sắc Cứu Cảnh** (Akaniṣṭha), hàng **Ngũ Tịnh Cư** (Pañca-suddhāvāsa) và các quyền thuộc đi đến gia hộ. Ấy là phần lớn các Bồ Tát với Thanh Văn Tăng cư ngụ tại cõi Trời ấy trụ **Hiện Pháp Lạc** (Drṣṭa-dharma-sukha) cho nên thường tôn kính.

Na mạc (Namah) [*Đây nói là Quy mệnh*]

A lý-dã (Ārya) [*Đây nói là xa lìa Pháp xấu ác chẳng tốt lành. Hội thích nói là bậc Thánh vậy*]

Phệ lộ giả na dã (Vairocanāya) [*Đây nói là chiếu sáng khắp (biến chiếu), cũng nói là mặt trời to lớn (Đại Nhật). Như mặt trời của Thế Gian chỉ chiếu sáng một bên này thì chẳng thể chiếu sáng một bên kia, chiếu sáng ban ngày thì chẳng chiếu sáng ban đêm, chiếu sáng một Thế Giới này thì chẳng thể chiếu sáng Thế Giới khác, nên chỉ được tên gọi là mặt trời (Nhật) chứ chẳng được tên gọi là mặt trời to lớn (Đại Nhật). Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) là Đại Nhật. Sắc Thân (Rūpa-kāya), Pháp Thân (Dharma-kāya) vòng khắp Pháp Giới (Dharma-dhātu), Thế Giới ở mười phương, thấy đều chiếu sáng. Nếu người xưng tên quy mệnh lễ bái, liền được tất cả chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh, cho đến tám Bộ trong Pháp Giới gia trì vệ hộ*].

Đát tha nghiệt đa dã (Tathāgatāya) [*Đây nói là Như Lai*]

La-ha đế (Arhate) [*Đây nói là Ứng Cúng, cũng nói là Hoại Oán, cũng nói là không có sinh*]

Tam miệu (Samyak) [*Đây nói là Chính*]

Tam một đà dã (Sambuddhāya) [*Đây nói là Đẳng Giác*]

Thuận theo phương này (Trung quốc) nói là **Quy mệnh Thánh Giả Biến Chiếu Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Giác**.

Na mạc (Namah) [*Đây nói là Quy mệnh*]

A lý-dã (Ārya) [*Đây nói là bậc Thánh*]

Tam mãn đa (Samanta) [*Đây nói là khắp cả (biến), cũng nói là Phổ, cũng nói là Đẳng*]

Bạt nại la (Bhadra) [*Đây nói là Hiền*]

Dã (ya) [*Y theo Thanh Minh Pháp là tiếng thứ tư trong tám chuyển thanh. Vì vị ấy làm lễ cho nên gọi tên vậy. Bên dưới, các chữ Dã đều dựa theo đây giải thích*]

Ấy là vị Bồ Tát này nói **ba Mật Môn**, rộng nói rõ **Hạnh Nguyện**. Nếu có chư Phật chẳng tu ba Mật Môn, chẳng y theo Hạnh Nguyện của Phổ Hiền mà được thành Phật thì không có việc đó. Nếu thành Phật xong mà đối với ba Mật Môn, Hạnh Nguyện của Phổ Hiền, có ngưng nghỉ thì cũng không có việc đó. Chính vì thế cho nên **quy mệnh** vậy.

Mạo địa tát đát-phộc dã (Bodhi-satvāya) [*Xưa nói là Bồ Đề, nay nói là Mạo Địa. Xưa nói là Tát đỏa, nay nói là Tát đát-phộc. Đối với năm chữ bên trên thì phương này nói lược đi ba chữ mà chỉ nói là Bồ Tát*]

Ma hạ tát đát-phộc dã (Mahā-satvāya) [*Đây nói là bậc Đại Dũng Mãnh*]

Ma ha ca lô nê ca dã (Mahā-kāruṇikāya) [*Đây nói là đấng Đại Bi*]

Thuận theo phương này nói là **Quy mệnh Thánh Giả Phổ Hiền Bồ Tát Đại Dũng Mãnh Đại Bi Giả**

Do Quy vị này, liền được chư Phật, Bồ Tát ở mười phương thấy đều gia hộ. Chư Phật Bồ Tát tu ba Mật Môn, thực hành Hạnh Phổ Hiền, chứng được Thắng Quả, cho nên thường tôn kính.

_ **Đát nễ-dã tha** (Tadyathā) [*Đây nói là Ấy là, xưa nói là liền nói*]

_ **Chi-nhương na** (Jñāna) [*Đây nói là Trí*]

Bát-la nễ bé (Pradīve) [*Đây nói là cái đèn*]

Do cây đèn Trí này phá các Âm, cho nên **Du Già** giải thích rằng: “Dùng Trí không có chỗ đặc làm phương tiện. Không có Trí, không có đặc liền thành cây đèn Trí **Bát Nhã Ba La Mật Đa** chiếu sáng khắp tất cả Pháp Giới, không có phân biệt.

_ **Ác** (*Bản Phạn ghi nhận đây là chữ A (𑖀), phiên dịch là không có, tùy theo câu văn liền hô là Ác*)

Khất-xoa dã (Kṣāya) [*Đây phiên dịch là cùng tận*]

Cú thể (Kūṣe) [*Đây phiên dịch là kho tàng (Tạng), kho tàng không có cùng tận (Vô Tận Tạng)*]

Du Già giải thích rằng: “Chữ A làm **chủng tử** (Bīja). Chữ A giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp vốn chẳng sinh*. Như thế chữ A là Mầu của tất cả chữ, hay sinh tất cả chữ. Nếu được Môn chữ A tương ứng Du Già, liền được kho tàng Pháp không có cùng tận của chư Phật, liền hiểu thấu *tất cả Pháp vốn chẳng sinh*, giống như hư không, một Tướng trong sạch bình đẳng không có hai, tức thành Trí không có phân biệt.

_ **Bát-la để bà na** (Pratibhāda) [*Đây nói là biện tài*]

Phộc để (Vati) [*Đây nói là đầy đủ*]

Thuận theo phương này nói là **đầy đủ biện tài** vậy.

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Bát-la** (𑖀 : Pra) làm chủng tử. Chữ **Bát-la** giải thích rõ ràng *Bát Nhã Ba La Mật không có chỗ đặc*. Do chúng các *Pháp xưa nay vốn chẳng sinh* cho nên được kho tàng Pháp không có cùng tận của chư Phật, ở trong **Hậu Đắc Trí** được **bốn Vô Ngại Giải** (Catasrah pratisamvidah: *gồm có Pháp Vô Ngại Giải, Nghĩa Vô Ngại Giải, Từ Vô Ngại Giải, Biện Vô Ngại Giải*), biện thuyết tự tại”.

_ **Tát phộc** (Sarva) [*Đây nói là tất cả*]

Một đà (Buddha) [*Đây nói là bậc giác ngộ*]

Phộc lộ chỉ để (Avalokite) [*Đây nói là chỗ quán sát, tức nơi mà tất cả Phật đã quán sát Thật Tướng vậy*]

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Tát** (𑖀 : Sa) làm chủng tử. Chữ **Tát** giải thích rõ ràng nghĩa *bình đẳng của tất cả Pháp*, **Năng Duyên** (Lambana) **Sở Duyên** (Ālambana) thấy đều bình đẳng, Trí chứng Chân Lý, vào giòng chảy sướng thích (quyết lưu) của Pháp, tức đồng với nơi mà vô biên tất cả Phật đã quán sát”

_ **Du nga** (Yoga) [*Đây nói là tương ứng*]

Bả lý nễ sáp-bả ninh (pariḍṣpane) [*Đây nói là thành tựu trọn vẹn (viên thành)*]

Thuận theo phương này nói là **tương ứng thành tựu trọn vẹn**

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Dụ** (𑖀 : Yo) làm chủng tử. Chữ **Dụ** giải thích rõ ràng *tất cả Thừa* (Yāna) *không có chỗ đặc*. Quán Trí tương ứng, chứng Lý *thành tựu trọn vẹn*, liền đối với Giáo, Lý, Hành, Quả của các Thừa thấy đều chúng được **Pháp Tính** (Dharmatā) của một Chân Như (nhất chân Pháp Tính)”

_ **Nghiễm ty la** (Gaṃbhīra) [*Đây nói là thâm sâu*]

Nỗ la phộc nga hệ (Duravagahe) [*Đây nói là khó đo lường*]

Ấy là **thành tựu trọn vẹn thâm sâu khó lường** vậy

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Nghiêm** (𑖇 : Gam) làm chủng tử. Chữ **Nghiêm** giải thích rõ ràng *Pháp Chân Như không có đến không có đi*. **Tính** lia lời nói giải thích, chỉ tự hiểu thấu **Thánh Trí** lia **Tướng** mà chúng”

Đề-lý-dã, đặc-phộc (Tryadhva) [*Đây nói là ba đời*]

Bả lý nễ sáp-bả ninh (paridīpana) [*Đây nói là thành tựu trọn vẹn* (viên thành), *tức ba đời thành tựu trọn vẹn vậy*]

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Đề-lý-dã** (𑖇 : Trya) làm chủng tử. **Đề-lý-dã** giải thích rõ ràng *tự thành tựu Tính Công Đức nhiều như cát bụi thuộc Chân Như bình đẳng của tất cả Pháp*. **Pháp Chân Như** (Bhūta-tathatā) này tuy tràn khắp tất cả Thế nhưng chẳng phải là ba đời vậy. Như thế **quá khứ, vị lai, hiện tại** theo hư vọng sinh ra, điều này chẳng tương ứng với **Pháp Hữu Vi** (Saṃskṛta-dharma) mà **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha) đã nhiếp lấy”.

Mạo địa chất đa (Bodhi-citta) [*Đây nói là Tâm giác ngộ*]

Tán nạ năng nễ (Sajadadi) [*Đây nói là hay sinh ra*]

Thuận theo phương này nói: **Tức ba đời thành tựu trọn vẹn hay sinh ra Tâm Bồ Đề**

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Mạo** (𑖇 : Bo) làm chủng tử. Chữ **Mạo** giải thích rõ ràng *tất cả Pháp không có trói buộc* vậy. Nếu có thể biết Tâm Bồ Đề trong thân của mình, Tự Tính thành tựu ba đời bình đẳng, giống như hư không lia tất cả Tướng, liền hay biết rõ Tâm của tất cả hữu tình với Tâm của chư Phật đều như Tâm của mình, xưa nay vốn trong sạch, liền sinh Tâm Đại Bi, sinh thương xót sâu xa, khởi mọi loại phương tiện khiến cho tất cả hữu tình lia khổ, giải thoát, được đến chỗ cứu cánh không có trói buộc, không có cởi mở. Đây là Tâm Bồ Đề rộng lớn vậy”

Tát phộc tỳ sai ca (Sarva abhiṣaika) [*Đây nói là Tất cả rưới rót, rải vẩy*]

Tỳ sắc cật-đế (Abhiṣakve) [*Đây nói là Chỗ được rưới rót*]

Hội Ý phiên dịch là: *Dùng Pháp Quán Đỉnh để rưới rót lên đỉnh đầu ấy*.

Pháp Quán Đỉnh. Kinh kia có năm loại là: Mão báu, Ấn Khế, nước, ánh sáng, danh hiệu đề Quán Đỉnh.

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Tát** (𑖇 : Sa) làm chủng tử. Chữ **Tát** giải thích rõ nghĩa *Tất cả Pháp không có nhiễm dính*, Do quán sát ta người với Tâm của chư Phật đồng một Chân Như, được **Đồng Thể Đại Bi**, thế nên đặc được chẳng nhiễm chẳng dính mắc. Tức được tất cả chư Phật tuôn mưa Pháp rưới rót vào đỉnh đầu, được **Thắng Địa** vậy. Ấy là mỗi một Địa trong mười Địa, đều được Quán Đỉnh thắng thượng, ba Nghiệp gia trì nơi vô lượng **Tu Đa La** (Sūtra: Kinh) diễn nói tự tại”

Đạt Ma (Dharma) [*Đây nói là Pháp*]

Sa nga la (Sāgara) [*Đây nói là biển*]

Tam bộ đế (Saṃbhūte) [*Đây nói là sinh ra*]

Thuận theo phương này nói là **Từ biển Pháp sinh ra Giải Thoát không có ngăn ngại, không có chặt đứt hết**

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Đạt** (𑖇 : Dha) làm chủng tử. Chữ **Đạt** giải thích rõ ràng *Hai Thể Nhiễm Tịnh của tất cả Pháp đều chẳng thể đứt*. Dùng Trí của Thể chính, chặt đứt **Câu Sinh Trí Chướng** trong **Bản Thức**, liền thành biển Pháp, tuôn ra Giáo Pháp rộng lợi lạc”

_ **A mộ già** (Amogha) [*Đây nói là không có gián đoạn. Xưa giải thích là **Bất Không** (chẳng phải trống rỗng) là sai lầm vậy*]

Thất-la phộc ninh (Śravaṇi) [*Đây nói là nghe thấy*]

Thuận theo phương này nói: **Ở chỗ của chư Phật, lắng nghe không có gián đoạn**

Du Già giải thích rằng: “Nay y theo **Thanh Luận** giải thích là **không có gián đoạn**. Chữ **A** (𑖀) làm chung tử. Chữ **A** giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, xưa nay **Niết Bàn** (Nirvāṇa)*. Do chứng Pháp này, vòng khắp Pháp Giới, các cõi Phật, trong Đại Tập Hội ở trước mặt Đức Phật được nghe Giáo Pháp thầy đều nhớ giữ, vĩnh viễn chẳng quên”.

_ **Ma hạ** (Mahā) [*Đây nói là **Đại, to lớn***]

Tam mãn đa (Samanta) [*Đây nói là **Phổ, khắp cả***]

Bạt nại-la (Bhadra) [*Đây nói là **hiền***]

Bộ di (Bhūmi) [*Đây nói là **Địa, mảnh đất, địa vị***]

Niết lý-dã đế (Nirjate) [*Đây nói là **sinh ra***]

Thuận theo phương này nói: “Từ Hạnh Nguyên đã tu hành trong các Địa lúc trước, hay sinh ra **Đại Phổ Hiền Địa**, tức **Đẳng Giác Địa** phía sau mười địa. Như thế trong **Du Già** từ Phạm đến Thánh, tổng cộng có **bốn Địa**: Một là **Thắng Giải Hành Địa** xung chung là **Địa Tiên**, hai là **Phổ Hiền Hạnh Nguyên Địa** xung chung là **Thập Địa**, ba là **Đại Phổ Hiền Địa** tức **Đẳng Giác Địa**, bốn là **Phổ Chiếu Địa** tức thành **Chính Giác Địa**”

Y theo **Du Già** giải thích rằng: “Chữ **Ma** (𑖀) làm chung tử. Chữ **Ma** giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp là **Ngũ Pháp trống rỗng**, ấy là bậc **Du Già** chặt đứt chướng vi tế, chứng **Ngũ Pháp trống rỗng**, liền vượt qua **Đại Phổ Hiền Địa** này, chứng **Phổ Chiếu Diệu**, thành **Đẳng Chính Giác**, Phước Trí trang nghiêm, Thọ Dụng Pháp Thân đều viên mãn*”

_ **Vĩ-dã yết la noa** (Vyakaraṇa) [*Đây nói là **Thọ Ký***]

Bả lý bát-la bả nễ (Pariprāpti) [*Đây nói là **Đắc được***]

Thuận theo phương này nói: “**Đắc được Thọ Ký**. Tức là trước tiên được Thọ Ký, nay được đầy đủ vậy”

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Vĩ-dã** (𑖀:Vya) làm chung tử. Chữ **Vĩ-dã** giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp rốt ráo chẳng thể đắc*. Do Quả viên mãn, cứu cánh chứng được **Tự Tính Tịch Tĩnh**, **Tự Tính Niết Bàn** của tất cả Pháp. Năng Chứng (người chứng), Sở Chứng (chỗ chứng) đều đồng một Tính, chẳng tăng thêm chẳng giảm bớt, thường viên mãn”

_ **Tát phộc tất đà** (Sarva siddha) [*Đây nói là **người thành tựu**, tức là các **Bồ Tát Thập Địa***]

Na ma tắc-cật-ly đế (Namaskṛte) [*Đây nói là **làm lễ***]

Lễ có hai nghĩa: Một là **lễ Pháp của Bát Nhã kia**, hai là **Lễ người thành Chính Giác kia**. Dù hai nghĩa này cho nên Bậc Thập Địa là nơi làm lễ vậy

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Tát** (𑖀:Sa) làm chung tử. Chữ **Tát** giải thích rõ nghĩa **sinh diệt**. Trong chữ **Tát** có chữ **A** (𑖀) giải thích rõ nghĩa **không có sinh**. Như thế trong Quả Vị, do chứng chữ **A**, **Thẻ** chẳng sinh chẳng diệt thường bền chắc, giống như Kim Cương thẳng dựng tự tại, tức hay hiện khắp vô biên Ứng Hóa, mọi loại lợi lạc, bày **có sinh diệt**, thật ra là **không có sinh diệt**”

_ **Tát phộc** (Sarva) [*Đây nói là tất cả*]

Mạo địa tát đát-phộc (Bodhi-satva) [*Đây nói là Bồ Tát*]

Tán nhạ năng nễ (Sajadadi) [*Đây nói là sinh ra*]

Thuận theo phương này nói là: **Sinh ra tất cả Bồ Tát** vậy

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Tát** (𑖀:Sa) làm chủng tử. Chữ **Tát** giải thích rõ nghĩa **Tất cả Pháp không có đẳng cấp** vậy. Do quán chữ này thì Tâm cùng với Chân Như bình đẳng, một Tướng trong sạch, Tức là **Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Prajñā-pāramita) sinh ra tất cả **Bồ Tát Địa** (Bodhisatva-bhūmi)”

_ **Bà nga phộc đễ** (Bhagavate) [*Dịch Đối phiên dịch là bậc có đủ Phước Trí. Hội Ý giải thích là Thế Tôn*]

Một đà (Buddha) [*Đây nói là Giác, hiểu biết*]

Ma đễ (Māte) [*Đây nói là Mẫu, bà mẹ*]

Thuận theo phương này nói là **Phật Thế Tôn Mẫu**. **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) là tiếng của Nam, **Bà Già Phộc Đễ** (Bhagavatī) là tiếng của Nữ. Cả hai đều hội ý giải thích nghĩa là **Thế Tôn**.

Y theo **Thanh Minh Dịch Đối phiên dịch** thì **Bà Già** (Bhaga) là *phá*, **Phạm** (Vaṃ) phiên dịch là *hay, có thể* (năng). Hay phá bốn Ma thì gọi là **Bà Già Phạm**

Lại nói là **Bạc A Phạm**. Y theo **Thanh Minh Luận** phân chia chữ, giải thích rằng: “**Bạc** là *phá*, **A** gọi là *không có sinh*, **Phạm** gọi là *chứng, Trí hay chứng*. **A** gọi là **a phạm**, do **A Phạm** cho nên hay phá phiền não, thế nên Đức Phật Thế Tôn *chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đi chẳng đến, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng thêm chẳng bớt*. Đủ Đức như vậy, gọi là **Bạc A Phạm**”

Lại nói rằng **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) thì **Bạc Già** (Bhaga) là Phước (Punya) Trí (Jñāna); **Phạm** (Vaṃ) là *đầy đủ*. Do đầy đủ Phước Trí, trang nghiêm mãn túc nên gọi **Bạc Già Phạm**, cũng là tiếng của Nam.

Du Già giải thích rằng: “Chữ **Bà** (Bha) làm chủng tử. Chữ **Bà** giải thích rõ ràng **Tất cả Pháp Hữu chẳng thể đắc**. Do Tâm tạp nhiễm cho nên có sinh tử. Do Tâm trong sạch cho nên có Niết Bàn. Hai điều ấy lia Tâm đều chẳng thể đắc. Ấy là do **Bát Nhã** làm **Sinh Liễu Nhân**, tức hay sinh ra tất cả chư Phật, cho nên gọi là **Phật Mẫu** (Buddha-māta)

_ Mười sáu câu bên trên, như trong Kinh Du Già nói, cũng là 16 Hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát vậy.

_ **A la nãi, ca la nãi, A la noa, ca la nãi** (Araḍai karaḍai araḍa karaḍa) [*Như thế 12 chữ này nói rõ ba Bí Mật, ba Nghịch trong sạch*]

Tên gọi của chữ **A** (𑖀) giải thích rõ ràng **Tất cả Pháp xưa nay vốn chẳng sinh**

Do biết tất cả Pháp xưa nay vốn chẳng sinh, cho nên hiểu thấu tất cả Pháp lia bụi bặm. Thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) giải thích rõ ràng nghĩa **Tất cả Pháp lia bụi bặm**

Do biết tất cả Pháp lia bụi bặm, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có kiện cãi, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Đai) giải thích rõ ràng nghĩa **Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt**.

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có tạo làm, thế nên Môn chữ **Ca** (𑖀:Ka) giải thích rõ ràng **Tất cả Pháp không có tạo làm**.

Do biết tất cả Pháp không có tạo làm, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp trong sạch, thế nên Môn chữ **La** (𑖣 :Ra) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp trong sạch*.

Do biết tất cả Pháp trong sạch, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖑 :Đa) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt*.

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, thế nên Môn chữ **A** (𑖠 :A) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp xưa nay vắng lặng*.

Do biết tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có dơ bẩn, thế nên Môn chữ **La** (𑖣 :Ra) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp không có dơ bẩn*.

Do biết tất cả Pháp không có dơ bẩn, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có tranh đoạt, thế nên Môn chữ **Nô** (𑖑 :Đa) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt*.

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có tạo làm, thế nên Môn chữ **Ca** (𑖛 :Ka) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp không có tạo làm*.

Do biết tất cả Pháp không có tạo làm, cho nên liền hiểu thấu Trí không có phân biệt, thế nên Môn chữ **La** (𑖣 :Ra) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp không có phân biệt*.

Do biết tất cả Pháp không có phân biệt, cho nên liền hiểu thấu tất cả Pháp không có lay động, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖑 :Đa) giải thích rõ ràng *Tất cả Pháp không có lay động*.

Do biết tất cả Pháp không có lay động, cho nên liền chứng đường lối không có trụ của **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa** (Mahā-prajñā pāramitā)

_ **Ma ha** (Mahā) [*Đây nói là lớn, to lớn*]

Bát-la chỉ-nhuơng (Prajñā) [*Đây nói là Cực Trí*]

Bá la nhĩ đế (Pāramite) [*Y theo Thanh Minh Luận phân chia câu giải thích là: Bá lam y ta* (Pāramita): **Y đa** (Ita) là *bờ bên đây*, **Bá lam** (Pāram) là *bờ bên kia*. Nương vào **Đại Cực Trí** lia bờ bên đây của sinh tử, đến bờ bên kia của Niết Bàn, được **Vô Trụ Xứ Đại Niết Bàn** vậy]

_ **Sa-phộc ha** (Svāhā) [*Đây nghĩa là Thành tựu, cũng nói là nghĩa Cát Tường, cũng nói là nghĩa Viên Tịch, cũng nói là nghĩa Tăng ích, cũng nói là nghĩa không có trụ*].

Nay y theo nghĩa **không có trụ** tức là **Vô Trụ Niết Bàn**. Y theo **Niết Bàn** (Nirvāṇa) này tận cùng bờ mé vị lai, lợi lạc hữu tình không có hạn kỳ cùng tận

_ Bên trên, phàm nói **Chủng tử** (Bīja) là nghĩa **dẫn sinh**, nghĩa **nhiep tri**. Đây đủ như mười chữ hợp thành một câu. Dùng một chữ bắt đầu để làm chủng tử, chín chữ bên dưới là hết thấy Quán Trí. Y theo **dẫn sinh** ban đầu nhiep vào chữ ban đầu (tức chữ A). Do đây mà nói: Nếu biết một Pháp liền biết tất cả Pháp. Nếu biết một Pháp **trống rỗng** (Śunya: Không) liền biết tất cả Pháp **trống rỗng** (Śunya: Không). Hay ở một chữ chuyên chú quán sát, tu các Hạnh nguyện thì tất cả Hạnh nguyện đều được viên mãn.

Thứ năm: Đà La Ni Quán Tường Bồ Tật Luân

Nếu Hành Giả hay đối với Kinh Bát Nhã Ba La Mật này, tu **Du Già Quán Trí**. Ở Đà La Ni này, từ khởi đầu đến cuối, hết thấy văn tự, mỗi một câu, mỗi một chữ, suy nghĩ quán sát

Ở trong trái tim của mình, trên cái gương tròn lớn sáng tròn trong sạch, tưởng một bánh xe vàng ròng (kim luân).

Bên ngoài: lớp thứ nhất có 16 cây cãm

Tiếp theo, xoay theo bên phải, tưởng 16 câu hiển hiện rõ ràng

Tiếp theo, lớp thứ hai có 12 cây cãm, tưởng 12 chữ an bày xoay theo bên phải

Tiếp theo, lớp thứ ba xếp bày 10 chữ, ở trong mười chữ này có một chữ **Đĩa** (𑖀: Dhī)

Ý trong đây là nhiếp **Trường Hàng** lúc trước cho đến các Hội Đại Bát Nhã ... làm 16 câu, nhiếp 16 câu làm 12 chữ, nhiếp 12 chữ làm mười chữ ấy, nhiếp mười chữ ấy quy vào một chữ. Từ rộng đến lược, dần dần giảm bớt, dần dần thâm sâu. Một chữ hiện trước mặt, vòng ở Pháp Giới, **Tính Tướng bình đẳng** đến Cứu Cánh

Như thế người tu hành quán các chữ Phạn, mỗi mỗi thấu tỏ rõ ràng, giáp vòng rồi trở lại ban đầu

Nếu Tâm chuyên chú nơi các văn tự, thứ tự ngoằn ngoèo, Tâm chẳng theo Duyên khác liền thành **Định Phẩm**, quán **Lý đã giải thích rõ ràng** liền thành **Tuệ Phẩm**, hai Pháp vận song song, nhậm vận hiện tiền thông đạt không có ngăn ngại. Niệm niệm tiêu diệt tất cả **Nghiệp Chướng** (Karmāvaraṇa), **Báo Chướng** (Saṃbhogāvaraṇa), **Phiền Não Chướng** (Kleśāvaraṇa). Thân Tâm **chuyển y** (Āsraya-parivṛtti, hoặc Āsraya-parāvṛtti) đều được tự tại, được các Thần Thông, đến địa vị cứu cánh, đầy đủ **ba Thân** vậy.

KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA
ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ

Hết

26/12/2011

Tụng Chân Ngôn là:

“An, phộc nhật-la, địa lực ca, sa-phộc ha”

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲

Oṃ_Vajra dhṛk svāhā

Dựa theo lúc trước, tụng ba biến rồi bung tán Ấn ở trên đỉnh đầu

Do kết Ấn Khế này, tụng **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn** cho nên liền được tất cả Kim Cương trong mười phương Pháp Giới, hiện thân uy nộ như mây đi đến tràn đầy cõi hư không, gia trì cho Hành Giả hành Pháp, ba nghiệp bền chắc giống như Kim Cương. Ấy là Bậc Thánh nương vào Uy Thần của Đức Phật, dùng sức Nguyên của chính mình. Lớn thì hộ trì cõi nước khiến cho không có tai nạn, nhỏ bé cho đến một thân khiến không có các tai ách.

4_ Thứ tư: Kết Hộ Thân Ấn. Lại dùng Ấn Khế đã kết của ba Bộ với tụng Chân Ngôn gia trì năm chỗ là: vàng trán, vai trái, vai phải, trái tim, cổ họng rồi bung tán Ấn ở trên đỉnh đầu, liền thành **Bị Kim Cương Kiên Cố Giáp Trụ**

Do gia trì này mà khắp thân của Hành Giả tỏa uy quang hách dịch. Tất cả Ma, loài gây chướng chướng dám đưa mắt nhìn, mau chóng bỏ chạy.

5_ Thứ năm: Kết Tịch Trừ Ấn với **Kim Cương Phương Ngung Bảo Giới Ấn.** Bên trên đã dùng **Kim Cương Bộ Ấn Khế** lúc trước, tụng Chân Ngôn, nhiều quanh Đàn, chuyển theo bên trái ba vòng, liền hay Tịch Trừ các Ma có sức mạnh to lớn thuận theo Phật Bồ Tát. Nếu có loài ẩn nấp sẽ đi xa đến phương khác. Tùy theo tâm lớn nhỏ, chuyển theo bên phải ba vòng, liền thành **Kim Cương Phương Ngung Bảo Giới.** Chư Phật Bồ Tát còn chẳng trái vượt hướng chi là loài gây chướng nào được dịp thuận tiện hãm hại. Xong bung tán Ấn ở trên đỉnh đầu.

6_ Thứ sáu: Kết Thỉnh Thánh Chúng Giáng Đàn Ấn. Phần trên dùng ba Bộ Ấn Khế với tụng Chân Ngôn lúc trước, đem ngón cái hướng về thân chiêu thỉnh, ba biến thì chiêu vời ba lần. Tức chúng Thánh của ba Bộ tràn đầy hư không lúc trước đều y theo Bản Vị (vị trí của mình) chẳng chướng ngại nhau, lặng yên mà trụ. Xong bung tán Ấn trên đỉnh đầu.

7_ Thứ bảy: Hiến Át Già Hương Thủy Ấn. Bên trên dùng hai tay nâng vật khí báu Ma Ni chứa đầy nước thơm, để ở tam tinh.



Tụng Chân Ngôn là:

“An, phộc nhật-la, na ca, hồng”

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖭𑖮𑖰𑖲

Oṃ_Vajra-udaka hūṃ

Dựa theo bên trên, tụng ba biến, vận tâm rộng bày. Tiếp theo tám gọi khắp tất cả chúng Thánh. Xong bung tán Ấn ở trên đỉnh đầu

Do hiền Át Già cho nên từ **Thắng Giải Hạnh Địa** (Adhimokṣa-cārya-bhūmi) cho đến **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi), ở mỗi một Địa (Bhūmi), chư Phật Bồ Tát trong mười phương Pháp Giới thấy đều gia hộ chư Phật quán đảnh

8_ Thứ tám: Hiền Bảo Tòa Án. Bên trên để hai tay ngang chắp lại giữa rỗng, hai ngón cái với hai ngón út cùng phụ nhau hơi co lại, đều bung tán sáu ngón còn lại, hơi co như hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:

“Án, ca ma la, sa-phộc ha”

ॐ 𑖀𑖄𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃

Oṃ Kamala svāhā

Do kết Án Khế với tụng Chân Ngôn thì tòa báu đã hiện khiến các chúng Thánh đều nhận dùng như thật, liền khiến cho Hành Giả hành Pháp đến ở trong Quả Vị, đắc được tòa báu Kim Cương bền chắc

9_ Thứ chín: Kết Phổ Cúng Dường Án. Bên trên chắp hai tay lại, năm ngón tay trợ cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, để ở trên trái tim.



Tụng Chân Ngôn là:

“Na mạc tam mạn đa một đà nam. Tát phộc tha khiếm, ô na-nga đế, tát-phả la, hứ hàm, nga nga năng kiếm, sa-phộc ha”

𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃 𑖀𑖔𑖃

Namaḥ samanta-buddhānāṃ Sarvathā khaṃ udgate sphara hīmaṃ gaganakhaṃ svāhā

Do kết Án này với tụng Chân Ngôn cho nên Tâm sen rộng bày vòng khắp các Đạo Tràng Hải Hội của chư Phật Bồ Tát trong Pháp Giới, tuôn mưa khắp tất cả các vật dụng cúng dường.

Bắt đầu tụng một biến thì vật khí báu nhiều như cát bụi, chứa đầy hương xoa bôi, xoa bôi khắp chúng Thánh.

Tụng biến thứ hai thì mọi loại vòng hoa trang nghiêm khắp cả.

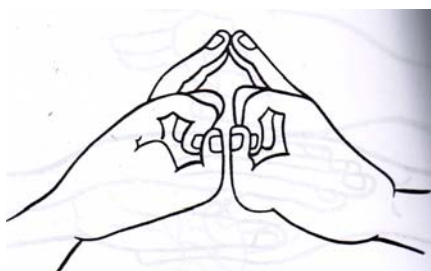
Tụng biến thứ ba thì thiêu đốt mọi loại hương, cúng dường khắp cả.

Tụng biến thứ tư thì tuôn mưa thức ăn uống thượng diệu trong các cõi Trời, để ở vật khí báu, cúng dường khắp cả.

Tụng biến thứ năm thì tuôn mưa các **Ma Ni** (Maṇi) làm đèn sáng cúng dường khắp cả chư Phật Bồ Tát.

Do tụng Chân Ngôn gia trì Lục cho nên nhóm hương đã hiển ở các Hải Hội thấy đều chân thật, chúng Thánh nhận dùng. Hành Giả hành Pháp ở đời đương lai thường được báo đó.

10_ Thứ mười: Kết Bát Nhã Ba La Mật Đa Căn Bản Ấn. Lại đem hai bàn tay cùng phụ ngược nhau, đầu hai ngón trỏ, co hai ngón út ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón cái đều đè hai ngón trỏ, để ở trên trái tim.



Tụng Đà La Ni trong Kinh bảy biến.

Do kết Ấn này tụng Đà La Ni cho nên tự thân của Hành Giả hành Pháp liền biến thành **Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Prajñā-pāramitā-bodhi-satva) mà làm Mẫu (Māṭṛ) của tất cả chư Phật

Tượng Bồ Tát ấy, ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng, thân màu vàng chói, mọi báu, Anh Lạc trang nghiêm khắp thân, đầu đội mào báu, lụa trắng cột buộc mào rủ xuống hai bên, tay trái ngang trái tim cầm Bát Nhã Phạm Giáp (rương kinh Bát Nhã), tay phải ngang vú tác Ấn **Thuyết Pháp**, đem ngón cái đè đầu ngón vô danh.

Liên tưởng từ đỉnh đầu cho đến bàn chân của Bồ Tát, các lỗ chân lông trên thân tuôn ra ánh sáng làm mọi màu sắc tràn đầy Pháp Giới. Trong mỗi một ánh sáng, hóa vô lượng Phật tràn khắp cõi hư không trong các Thế Giới, rộng vì gốc rễ tương xứng của chúng sinh, tuyên nói Pháp thâm sâu của Bát Nhã Ba La Mật Đa đều khiến cho hiểu thấu, trụ **Tam Ma Địa** (Samādhi)

Hành Vương thực hành Pháp tác Quán này xong, bung tán Ấn trên đỉnh đầu, tay cầm tràng hạt (sổ châu) để ở trong lòng bàn tay, chắp tay lại ngang trái tim, tụng Chân Ngôn là:

« Ấn, vĩ lô giả na, ma la, sa-phộc ha »

ॐ वीरोचना माला स्वहा

Om Vairocana māla svāhā

Tụng ba biến này gia trì tràng hạt, đội trên đỉnh đầu xong, sau đó ngang trái tim, tay trái nâng tràng hạt, tay phải dờ hạt châu, niệm niệm tương ứng, trụ **Phật Mẫu Tam Muội** (Buddha-māṭṛ-samādhi), quán tâm đừng để cho gián đoạn, tụng 108 biến, hoặc 21 biến.

Tụng Chân Ngôn là:

- 1_ Na mô la đất-na đất-la dạ đã
- 2_ Na mạc a lý-dạ phê lộ giả na đã
- 3_ Đất tha nghiệt đa dạ, la-ha đế
- 4_ Tam mạo tam một đà đã
- 5_ Na mạc a lý-dã
- 6_ Tam mãn đa bạt nại-la đã
- 7_ Mạo địa tát đất-phộc đã

- 8_ Ma hạ tát đất-phộc dã
- 9_ Ma hạ ca lổ nê ca dã
- 10_ Đất nễ-dã tha
- 11_ Chi-nhương na, bát-la nễ bé
- 12_ Ác khát-xoa dã, cú thể
- 13_ Bát-la đê bà na phộc đê
- 14_ Tát phộc một đà, phược lộ chỉ đê
- 15_ Dụ nga, bả lý nễ sáp-bả ninh
- 16_ Nghiễm ty la nễ la phộc nga hệ
- 17_ Đê-lý-dã, đặc-phộc
- 18_ Bả lý nễ sáp-bả ninh
- 19_ Mạo địa chất đa, tán nhạ na nễ
- 20_ Tát phộc tỳ sai ca tỳ sắc cật-đê
- 21_ Đạt ma, sa nga la, tam bộ đê
- 22_ A mộ già, thất-la phộc ninh
- 23_ Ma hạ tam mãn đa bạt nại-la, bộ di
- 24_ Niết lý-dã đê
- 25_ Vĩ-dã yết la noa
- 26_ Bả lý bát-la bả nễ
- 27_ Tát phộc tát đà
- 28_ Na ma tác cật-lý đê
- 29_ Tát phộc mạo địa tát đất-phộc
- 30_ Tán nhạ na nễ
- 31_ Bà nga phộc đê
- 32_ Một đà ma đê
- 33_ A la nãi, ca la nãi
- 34_ A la noa, ca la nãi
- 35_ Ma hạ bát-la chi-nhương
- 36_ Bá la nhĩ đê, sa-phộc hạ

नमो रत्नत्रयै

Namo ratna-trayāya

नमो ऋषे वीरोचन्यै तथगत्यै अर्हते सम्यक्सम्बुद्ध्यै

Namaḥ ārya vairocānyā tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

नमो ऋषे समन्तभद्र्यै बोधिसत्त्व्यै महासत्त्व्यै महा-

Namaḥ ārya samanta-bhadrāya bodhi-satvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

गच्छन्तु न चरीतु अक्षय कुम्भे चतुरस्रं तत्र सत्त्वं बुद्धवत्सुक्यं
 दया परिदेष्यन्तं गीतं इत्येतन्न श्रुत्वा परिदेष्यन्तं धर्मं सत्त्वं
 सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं
 चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं
 चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं चित्तं सत्त्वं

Tadyathā: Jñāna pradīve akṣāya kuśe_ pratibhada vati_ sarva buddha
 avalokite yoga paridiṣpane gaṃbhīra_ Duravagahe tryadhva paridiṣpane
 bodhi-citta sajadadi sarva abhiṣaika abhiṣakve_ Dharma sāgra saṃbhūte _
 amogha śravaṇi _ mahā samanta-bhadra bhūmi nirjate_ vyakaraṇa
 pariṣṛpti_ sarva siddha namaskṛte_ sarva bodhi-satva sajadadi_ bhagavate
 buddha mātē

अरादै कारादै अरादा कारादा
Aradaï karaḍai arada karaḍa
महा प्रज्ञापारमिता स्वहा
Mahā-prajñā pāramite svāhā

Như vậy y theo lúc trước, chí tâm niệm tụng. Đủ biến số xong, liền đội tràng hạt trên đỉnh đầu rồi để tràng hạt ở chỗ cũ (bản xứ)

_ **Kết Tam Ma Địa Ấn.** Duỗi ngang hai tay, bên phải đè bên trái, để ở dưới rốn, ngay thẳng thân, nhắm mắt, đầu hơi cúi xuống, chuyên chú trên trái tim, quán sát kỹ lưỡng trên **Viên Minh Kính Trí**, dài rộng một khuỷu tay, dần dần tràn khắp Pháp Giới, bày chữ thành hàng xoay vòng theo bên phải, thứ tự quán ánh sáng của chiếu suốt, từ bên ngoài hướng vào bên trong, đến ở **chữ Địa** (𑖀: Dhī), từ bên trong hướng ra bên ngoài, dần dần quán các chữ, giáp vòng thì trở lại ban đầu. Đến biến thứ ba thì tâm khéo tịch định, mỗi mỗi thật rõ ràng, quán nghĩa đã giải thích kỹ lưỡng, chẳng sinh chẳng diệt, mỗi mỗi bình đẳng, đều khắp Pháp Giới, chẳng phải động chẳng phải tĩnh, Định Tuệ kèm vận song song (song vận), lia hẳn các tướng. Tức là **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tam Ma Địa Quán**

Từ đây trở đi, kết **Bát Nhã Ba La Mật Đa Ấn**, tụng Đà La Ni bảy biến, rồi bung tán Ấn trên đỉnh đầu.

_ Tiếp kết **Phổ Cúng Dường Ấn**, như lúc trước vận tâm thứ tự cúng dường. Đối trước chúng Thánh, hồi hướng Công Đức đã sinh ra do sự đã tu tập, đem hết vốn liếng giúp cho các Nguyện đã mong cầu, vì đất nước, vì người khác, đầy đủ Lợi Tha. Sau đó quay lại ban bố cho chúng sinh, quay về nghiêm cõi Tịnh, hồi hướng thật tế, quay về cầu **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), nguyện cùng với hữu tình mau đến bờ bên kia (bờ giải thoát)

_ Tiếp kết **Kết Giới Ấn** lúc trước, tụng Chân Ngôn ba biến, chuyên theo bên trái, liền thành **Giải Giới**

_ Tiếp kết ba Bộ Ấn lúc trước, tụng Chân Ngôn lúc trước ba biến, đều đem ngón cái hướng ra ngoài bật phát, liền thành **Phát Khiển** chúng Thánh đều quay về cõi nước của mình (bản thổ)

Hành Giả làm lễ rồi lui ra, như thường đi Kinh Hành, thọ trì đọc tụng Đại Thừa, dùng cho tán động vậy.

Như vậy từ canh năm đến lúc sáng sớm là Thời đầu tiên (sơ thời). Từ sau giờ Ngọ của ngày đến giờ Mùi là Thời thứ hai. Từ sau hoàng hôn đến lúc nửa đêm là Thời thứ ba. Từ sau nửa đêm đến lúc canh năm là Thời thứ tư.

Trong Thời như vậy đều y theo Bản Số (số căn bản), siêng năng chẳng lười biếng thì tất cả kẻ địch khác tự nhiên giáng phục, tất cả tai nạn vĩnh viễn chẳng sinh lại nữa.

Bấy giờ vua **Ba Tư Nặc** (Prasenajit) nghe Đức Phật nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ, nhiều vòng quanh, vui vẻ hớn hở, tin nhận phụng hành.

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ NIỆM TỤNG PHÁP
MỘT QUYỀN (Hết)

02/08/2010

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI THÍCH _MỘT QUYỀN_

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quang Trí_Chùa Đại Hưng Thiên_Tam Tạng Sa Môn BÁT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi):

Kinh **Du Già** giải thích rằng: “Tay cầm chày Kim Cương, biểu thị cho: *Bên trong, Tâm đầy đủ Đại Bồ Đề (Mahā-bodhi), bên ngoài biểu thị cho sự tột phục các phiền não*, cho nên gọi là **Kim Cương Thủ**”

Lại giải thích rằng: “Chẳng bị ba loại **Ma** (Māra) phá hoại, Tụ Thể của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) bền chắc thành **Trí Kim Cương** (Vajra-jñāna) là nơi mà tất cả Như Lai đã dựng lập, hay phá **Đoạn Thường Nhị Biên** (Dvaya-anta, hay Anta-dvaya). Chính vì thế cho nên chày Trí Kim Cương phá núi **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi), chứng **Kim Cương Định** (Vajra-samādhi), thường giữ gìn ở trong lòng bàn tay, nên gọi là **Kim Cương Thủ**”

_ Thế nào là nghĩa của **Bồ Đề Tát Đỏa** (Vajra-satva) ? Giác ngộ Pháp chân thật. Giác xong, trụ sinh tử khiến giác ngộ tất cả hữu tình, cho nên gọi là **Bồ Đề Tát Đỏa**”

Lại nói rằng: “**Bồ Đề** (Bodhi) là **Năng Giác**, **Tát Đỏa** (Satva) nghĩa là **Hữu Tình**. Cũng nói là **Tâm** (citta), cũng nói là **Dũng Kiện** (dũng cảm mạnh khỏe)”

_ **Ma Hạ** (Mahā) nghĩa là to lớn. **Tát Đỏa** (Satva) nghĩa là dũng kiện, chẳng khiếp nhược. Vô số kiếp trong ba đời gom chứa hai loại **Tư Lương** (Sambhāra), cho nên gọi là **Ma Ha Tát Đỏa** (Mahā-satva)

_ Thế nào là **Kim Cương Ma Ni** (Vajra-maṇi) [Đời Đường nói là **báu**]

Kim Cương (Vajra) như lúc trước đã giải tích.

Báu (Maṇi) có sáu nghĩa: Một là khó được, hai là trong sạch không có dơ, ba là có Uy Đức lớn, bốn là trang nghiêm Thế Gian, năm là thù thắng không so sánh được, sáu là biến đổi (biến dịch)

1_ **Khó được**. Vì Như Lai (Tathāgata) hiện ra ở **Thế Gian** (Loka) rất khó gặp gỡ được.

2_ **Trong sạch không có dơ**. Vì y theo Giáo tu hành chứng được Bồ Đề trong sạch không có dơ.

3_ **Uy Đức lớn**. Vì đầy đủ sáu Thần Thông biến hiện tự tại, gọi là uy đức lớn

4_ **Trang nghiêm Thế Gian**. Vì dùng ba loại **Bồ Tát Luật Nghi Giới** nghiêm sức Thân Tâm

5_ **Thù thắng không có so sánh được**. Vì chứng được **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), Tôn quý đặc biệt của ba cõi, thù thắng không có so sánh được

6_ **Không có biến đổi**. Vì chứng được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo không có biến đổi

Kim Cương Ma Ni: Tên theo Hiền Giáo là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva), thế nên vị Bồ Tát này nâng báu Kim Cương

– **Kim Cương Lợi** (Vajra-tiṣṇa): Cây kiếm Kim Cương sắc bén của **Bát Nhã Ba La Mật** hay chặt đứt tất cả hạt giống của hạt giống phiền não. Kim Cương Lợi, tên gọi theo Hiền Giáo là **Vấn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī-bodhisatva), thế nên vị Bồ Tát này cầm cây **kiếm Kim Cương** (Vajra-khaḍga)

– **Kim Cương Dược Xoa Bồ Tát** (Vajra-yakṣa-bodhisatva):

Nghĩa của **Kim Cương** (Vajra) đã giải thích như lúc trước. **Dược Xoa** (Yakṣa) nghĩa là uy mãnh, cũng có nghĩa là tận hết, là Trí thứ mười lăm trong **Hạnh Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-caryā) thuộc 16 Trí Kim Cương, tên gọi là **Kim Cương Tận Trí**. Dùng răng nanh **Kim Cương Dược Xoa Trí** ăn nuốt tất cả **Phiền Não** (Kleśa), **Tùy Phiền Não** (Upakleśa) tận hết không có dư sót

– **Kim Cương Linh** (Vajra-ghaṃṭa): biểu thị cho nghĩa **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-pāramitā). Lắc chuông cảnh ngộ **Di Sinh** (Pṛthag-jana: phàm phu) ngu muội, một lần nghe thấy âm thanh của chuông thời giác ngộ Bát Nhã Ba La Mật, tên gọi theo Hiền Giáo là **Tối Nhất Thiết Ma Oán Bồ Tát**, thế nên vị Bồ Tát này có bàn tay cầm cái **chuông Kim Cương** (Vajra-ghaṃṭa)

– **Kim Cương Ba La Mật Đa Bồ Tát** (Vajra-prajñā-pāramita-bodhisatva)

Nghĩa của **Kim Cương** (Vajra) đã giải thích như lúc trước. **Ba La Mật Đa** (Pāramita) như nhóm lúc trước đã giải thích, nghĩa là đến bờ bên kia

Nay y theo **Thanh Minh Luận** (Śabda-vidya-śāstra) phân chia câu để giải thích: “**Ba Lam Y Đa** (Pāramita) thì **Ba Lam** (Pāram) nghĩa là bờ bên kia, **Y Đa** (Ita) nghĩa là bờ bên này”

Do vị Bồ Tát này cầm **bánh xe Kim Cương** (Vajra-cakra). Khi Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) ở cõi bên trên (thượng giới) thành Phật xong thời vị Bồ Tát này thỉnh Đức **Như Lai** (Tathāgata) chuyển bánh xe Pháp của **Kim Cương Thừa** (Vajrayāna). Do nương vào con thuyền Bát Nhã của bánh xe Kim Cương này, từ bờ bên này vận tải vô lượng vô biên hữu tình đến bờ **Vô Trụ Niết Bàn**, tên gọi theo Hiền Giáo là **Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân Bồ Tát**

– **Na mạc la đát-na đát-la dạ gia** (Namaḥ ratna-trayāya) nghĩa là Quy mệnh Tam Bảo

Nếu người trì Kinh này **quy y Phật Bảo** (Namo Buddhāya), liền được Kim Cương Thủ Bồ Tát của **năm Tộc** (Pañca-kulāya) đem vô lượng **quyền thuộc** (Parivāra) thị vệ, gia trì người ấy. Vị Bồ Tát này tôn quý **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) vì Đức Phật từ **Tâm Bồ Đề** mà sinh ra.

Quy mệnh Pháp Bảo (Namo dharmāya) liền được **Thiên Đế Thích** (Śakra Devānām-indra) kèm các quyền thuộc, Trời **Tứ Thiên Vương** (Catvāraḥ mahārājikāḥ) gia hộ. Tại sao thế? Vì khi **Đế Thích** (Indra) bị nguy nạn thời Bát Nhã gia trì hiện được lợi ích, thế nên Thiên Đế Thích tôn quý Pháp Bảo

Quy mệnh Tăng Già (Namo saṃghāya) liền được **A Ca Ni Tra Thiên Vương** (Akaniṣṭha-deva-rāja) kèm với Trời **Ngũ Tịnh Cư** (Pañca-suddhāvāsa) và các quyền thuộc gia hộ người trì Kinh. Vì cõi **Ngũ Tịnh Cư** có Bồ Tát Tăng với chúng Thanh Văn Tăng thường cư ngụ ở cõi Trời ấy, **Hiện Pháp Lạc Trụ** (Dr̥ṣṭa-dharma-sukha-

vihāra: một trong bảy tên Thiên Định), hàng **Phạm Thiên** (Brahma-deva) thấy đều quý trọng.

— **Na mạc a lý-dạ phệ lộ giả na dã, đát tha nghiệt đa dạ, la-ha đế, tam miệu tam một đà dã** (Namah ārya vairocānāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya)

Na mạc (Namah) nghĩa là *Quy mệnh*, cũng nói là *cúi đầu*, cũng nói là *đỉnh lễ*

A lý-dạ (Ārya) nghĩa là *cách xa điều xấu ác*. Phương này (Trung Quốc) hội thích là *bậc Thánh*

Phệ lộ giả na dã (Vairocānāya) nghĩa là *chiếu sáng khắp* (biến chiếu), cũng nói là *mặt trời to lớn* (Đại Nhật). Như mặt trời của Thế Gian chiếu sáng một bên này thì chẳng thể chiếu sáng một bên kia, chiếu sáng ban ngày thì chẳng chiếu sáng ban đêm, chiếu sáng một Thế Giới này thì chẳng thể chiếu sáng Thế Giới khác, nên chỉ được tên gọi là *mặt trời* (Nhật) chứ chẳng được tên gọi là *mặt trời to lớn* (Đại Nhật)

Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) là Đại Nhật. **Sắc Thân** (Rūpa-kāya), **Pháp Thân** (Dharma-kāya) vòng khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) với **Hư Không Giới** (Gagana-dhātu), vô biên Thế Giới ở mười phương, khắp đều chiếu sáng. Nếu người biết lợi ích Công Đức của Đức Phật này rồi quy mệnh lễ bái, liền được tất cả chư Phật, Bồ Tát, các Hiền Thánh, tám Bộ trong tận hư không khắp Pháp Giới đều cùng gia trì hộ niệm.

Đát tha nghiệt đa dạ, la-ha đế, tam miệu tam một đà dã (Tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya) nghĩa là Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri. Lúc trước đã giải thích

— **Na mạc a lý dã** (Namah Ārya): đã giải thích

Tam mãn đa bạt nại-la dã (Samanta-bhadrāya) : **Tam mãn đa** (Samanta) nghĩa là *khắp cả* (phổ), **bạt nại-la** (Bhadra) nghĩa là *hiền*, chữ **Đã** (Ya) trong bảy lệ tám chuyển trong **Thanh Minh** (Śabda-vidyā) nói là *tiếng* (Śabda). Bên dưới đồng như vậy.

Vì Bồ Tát này nói **ba Mật Môn, Hạnh nguyện của Phổ Hiền**. Tất cả chư Phật nếu chẳng tu ba Mật Môn, chẳng thực hành Hạnh Phổ Hiền mà được thành Phật thì không có việc đó. Đã thành Phật xong mà đối với ba Mật Môn, Hạnh Phổ Hiền lại ngưng nghĩ thì cũng không có việc đó.

Mạo địa tát đát-phộc dã (Bodhi-satvāya) : nghĩa là *Bồ Tát*

Ma hạ tát đát-phộc dã (Mahā-satvāya) nghĩa là *Đại Bồ Tát*

Ma hạ ca lỗ nê ca dã (Mahā-kāruṇikāya) là *đáng Đại Bi*

Nếu quy mệnh Thánh Phổ Hiền Bồ Tát, tức chư Phật Bồ Tát ở mười phương thấy đều gia hộ. Tất cả chư Phật, Bồ Tát đều nhân tu ba Mật Môn, thực hành Hạnh Phổ Hiền được chứng Thánh Quả, thế nên tôn quý.

— **Đát nễ-dã tha** (Tadyathā) : người xưa nói là *liền nói, ấy là*

Văn bên trên là **Quy mệnh Tam Bảo, Tỳ Lô Giá Na Phật, Phổ Hiền Bồ Tát**.

— **Chỉ-nhương na, bát-la nễ bế** (Jñāna pradīve): Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *ngọn đèn Trí* (Trí dăng). Câu theo Mật giải thích nghĩa là *Trí không có chỗ đắc dùng làm phương tiện, không có Trí không có đắc liền thành ngọn đèn **Bát Nhã Ba La Mật Đa Trí** hay chiếu sáng tất cả Phật Pháp*.

— **Chữ Ác**: trong bản Phạn thì chữ **Ác** này là chữ **A** (𑀅), vì tùy theo câu văn liền hô là **Ác**

Khất-xoa dã, cú thể (kṣāya kuṣe) :

Hiển giải thích nghĩa là *kho tàng không có cùng tận* (Vô Tận Tạng)

Câu theo Mật giải thích chữ **A** là: một chữ làm **chủng tử** (Bīja). Chữ **A** (𑖀) là *tất cả Pháp vốn chẳng sinh*. Chữ **A** là mẫu của tất cả chữ, hay sinh tất cả Pháp. Nếu có thể hiểu rõ Môn chữ **A**, tương ứng **Du Già** (Yoga) liền được kho tàng không có cùng tận của Phật Pháp, liền ngộ **tất cả Pháp vốn chẳng sinh** giống như một tướng trong sạch bình đẳng của hư không, liền thành Trí không có phân biệt vậy.

Bát-la đề bà na phộc đề (Pratibhada vati) :

Câu theo Hiển giải thích là *đầy đủ biện tài*

Câu theo Mật giải thích là: Ở trong câu này, lấy một chữ **Bát-la** (𑖃: Pra) làm chủng tử. Chữ **Bát-la** là Bát Nhã Ba La Mật không có chỗ đặc. Dùng **không có chỗ đặc** làm **phương tiện** (Upāya), ở trong **Hậu Đắc Trí** (Pṛṣṭha-labdha-jñāna) hiểu thấu *tất cả Pháp nhân duyên sinh các Pháp*, do chứng *tất cả Pháp vốn chẳng sinh* cho nên được kho tàng Phật Pháp không có cùng tận, ở trong **Hậu Đắc Trí** được **bốn Vô Ngại Giải** (Catasrah pratisamvidah: *gồm có Pháp Vô Ngại Giải, Nghĩa Vô Ngại Giải, Từ Vô Ngại Giải, Biện Vô Ngại Giải*), nói Pháp tự tại.

Tát phộc một đà, phược lộ chỉ đế (Sarva buddha avalokite) :

Câu theo Hiển giải thích nghĩa là *nơi mà chư Phật đã quán sát*

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là: một chữ làm chủng tử. Chữ **Tát** (𑖄: Sa) nghĩa là *tất cả Pháp bình đẳng, Năng Duyên* (Lambana) **Sở Duyên** (Ālambana) **bình đẳng bình đẳng** (Samāsama), **Năng Thủ** (Grāhaka) **Sở Thủ** (Grāhya) không có chỗ đặc, liền chứng **Chân Như** (Bhūta-tathatā), ngay ở Pháp tuôn chảy vô biên chư Phật quán sát hộ niệm

Dụ nga, bả lý nễ sáp-bả ninh (Yoga paridiṣpane) :

Câu theo Hiển giải thích nghĩa là *thành tựu trọn vẹn Du Già* (Du Già viên thành)

Câu theo Mật giải thích chữ **Dụ** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Dụ** (𑖅: Yo) là *tất cả Thừa* (Yāna) *chẳng thể đặc*. Nếu tương ứng với **Du Già Quán Trí**, chứng đắc sự thành tựu trọn vẹn (viên thành), đối với Giáo, Lý, Hành, Quả của các Thừa thấy đều chứng được **Pháp Tính** (Dharmatā) của một Chân Như

Nghiêm tỵ la nỗ la phộc nga hệ (Gaṃbhīra duravagahe) :

Câu theo Hiển giải thích nghĩa là *sâu xa khó lường*

Câu theo Mật giải thích chữ **Nghiêm** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Nghiêm** (𑖆: Gaṃ) là *tất cả Pháp Chân Như không có đi không có lại*. Do chứng biến Chân Như, Thật Tướng Bát Nhã chẳng thể đem ra tuyên nói, chỉ có cảnh giới của Phật tự hiểu biết, chứng Thánh Trí

Đê-lý-dã, đặc-phộc (Tryadhva) :

Câu theo Hiển giải thích nghĩa là *ba đời thành tựu viên mãn*

Câu theo Mật giải thích **Đê-lý-dã** (Chữ Phạn là một chữ), dùng một chữ này làm chủng tử. **Đê-lý-dã** (𑖇: Trya) là *tất cả Pháp thành tựu Tự Tính của nhóm Chân Như bình đẳng, vượt hàng hà sa số Công Đức*. Trong Chân Như không có quá khứ, vị lai, hiện tại, phân biệt hư vọng; chẳng tương ứng với **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha) chấp chặt **Pháp Hữu Vi** (Saṃskṛta-dharma) mê loạn

Mạo địa chất đa, tán nhạ na nễ (Bodhi-citta sajadadi) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *hay sinh Tâm Bồ Đề*

Câu theo Mật giải thích chữ **Mạo** là một chữ làm chung tử. Chữ **Mạo** (𑖣 : Bo) nghĩa là *tất cả Pháp không có trói buộc*. Nếu biết Tâm Bồ Đề trong thân của mình, Tự Tính thành tựu ba đời bình đẳng, giống như hư không lia các vạn tượng, liền biết Tâm của tất cả hữu tình với Tâm của chư Phật. Như Tâm của mình trong sạch, liền sinh Tâm Đại Bi, sinh thương xót sâu xa, liền khởi mọi loại phương tiện khiến cho tất cả hữu tình đến chỗ cứu cánh, lia khổ, giải thoát, không có cõi mở, không có trói buộc.

Tát phục tỳ sai ca tỳ sắc cật-đề (Sarva abhiṣaika abhiṣakve) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Tất cả rưới rót được đỉnh đầu*

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là một chữ làm chung tử. Chữ **Tát** (𑖣 : Sa) nghĩa là *Tất cả Pháp không có nhiễm không có dính mắc*. Do quán sát ta người với Tâm của chư Phật đồng một Chân Như, đồng Thể Đại Bi, thể nên chẳng nhiễm chẳng dính mắc. Tức nước Pháp của tất cả Như Lai ở trong hư không rót vào đỉnh đầu, liền được **ba Nghiệp gia trì**, đối với vô lượng kho tàng **Tu Đa La** (Sūtra: Kinh) nói Pháp tự tại

Đạt ma, sa nga la, tam bộ đế (Dharma sāgra saṃbhūte) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Biển Pháp sinh ra*

Câu theo Mật giải thích chữ **Đạt** là một chữ làm chung tử. Chữ **Đạt** (𑖣 : Dha) nghĩa là *Tất cả Pháp Giới không có chỗ dắc*. Do trụ Tâm không có chỗ dắc thì hạt giống **Câu Sinh Ngã Cháp**, **Câu Sinh Pháp Cháp** trong **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñāna:Tàng Thức) bị cây kiếm Kim Cương sắc bén của Đại Thánh **Văn Thù** chặt đứt hẳn không có dư sót, liền tuôn ra Giáo Pháp **Đẳng Lưu** (Niṣyanda) của Pháp Giới trong sạch, tức thành nghĩa của *biển Pháp sinh ra*. Chữ **Đạt** (𑖣 : Dha) là chung tử của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

A mộ già, thất-la phục ninh (Amogha śravaṇi)

Câu theo Hiền giải thích **A Mộ Già**, người xưa giải thích nghĩa là *chẳng trống rỗng* (bất không)

Nay y theo **Thanh Minh Luận** giải thích nghĩa là *không có gián đoạn*. Chữ **A** là một chữ làm chung tử. Chữ **A** (𑖣) là *Tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, xưa nay Niết Bàn* (Nirvāṇa). Do chứng **Giải Thoát Pháp Ấn** này, vòng khắp Pháp Giới với các cõi Phật, trong Đại Tập Hội ở trước mặt Đức Phật được nghe Giáo Pháp thầy đều trụ trì, vĩnh viễn chẳng quên mất

Ma hạ tam mãn đa bạt nại-la, bộ di, niết lý-dã đế (Mahā samanta-bhadra bhūmi nirjate) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *sinh ra Đại Phổ Hiền Địa*

Câu theo Mật giải thích chữ **Ma** là một chữ làm chung tử. Chữ **Ma** (𑖣) nghĩa là *Tất cả Pháp không có cái Ta* (vô ngã). **Vô Ngã** (Anātman) có hai loại là **Nhân Vô Ngã**, **Pháp Vô Ngã**. Bậc Du Già chứng hai Vô Ngã, liền sinh ra **Đại Phổ Hiền Địa** (Mahā-samanta-bhadra-bhūmi), chứng Pháp Thân trăm Phước trang nghiêm trong sạch viên mãn của Tỳ Lô Giá Na.

Vĩ-dã yết la noa, bả lý bát-la bả nễ (Vyakarana pariprāpti)

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Đắc được sự ghi nhận riêng* (ký biệt). Văn xưa nghĩa là **Thọ Ký**

Câu theo Mật giải thích **Vĩ-dã** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Vĩ-dã** (𑖳:Vya) là *Tất cả Pháp tràn đầy khắp không có chỗ đặc*. Tức biết **Tự Tính Tịch Tĩnh, Tự Tính Niết Bàn** của tất cả Pháp. Năng Chứng (người chứng), Sở Chứng (chỗ chứng) đều đồng một Tính, chẳng tăng thêm chẳng giảm bớt, chứng trọn đủ Pháp Giới

Tát phục tất đà, na ma tắc-cật-ly đế (Sarva siddha namaskṛte) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *tất cả bậc thành tựu lễ kính*. Bậc thành tựu là tên gọi khác của Bồ Tát

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Tát** (𑖳:Sa) nghĩa là *Tất cả pháp không có bền chắc*. Niệm niệm bốn Tướng biến hóa diệt hoại. Trong chữ **Tát** có chữ **A** (𑖳). Nếu chúng Môn chữ A *xưa nay chẳng sinh chẳng diệt, cũng luôn luôn bền chắc* ví như Tâm Kim Cương được tự tại, hay hiện mọi loại Thân.

Tát phục mạo địa tát đất-phộc, tán nhạ na nễ (Sarva bodhi-satva sajadadi) :

Câu theo Hiền giải thích nghĩa là *Sinh ra tất cả Bồ Tát*

Câu theo Mật giải thích chữ **Tát** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Tát** (𑖳:Sa) nghĩa là *Tất cả Pháp không có đẳng cấp*. Do quán chữ này thì Tâm cùng với Bát Nhã bình đẳng bình đẳng, sát na trước sát na sau đồng một Tướng trong sạch, hay sinh tất cả Ba La Mật, tất cả Địa. Tức gọi là **Bát Nhã Phật Mẫu**.

Bà nga phộc đế, một đà ma đế (Bhagavate buddha-māte)

Câu theo Hiền giải thích là *Thế Tôn Phật Mẫu*. **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) là tiếng của Nam, **Bà Già Phộc Đế** (Bhagavatī) là tiếng của Nữ. Cả hai đều hội ý giải thích nghĩa là **Thế Tôn**

Y theo **Thanh Minh** đối dịch giải thích thời chẳng như vậy. **Bà Già** (Bhaga) nghĩa là *phá*, **Phạm** (Vaṃ) nghĩa là *hay, có thể* (năng). Hay phá bốn Ma thì gọi là **Bà Già Phạm**

Lại có một cách giải thích là **Bạc A Phạm**. Y theo **Thanh Luận** phân chia chữ, giải thích **Bạc** là *phá*, **A Phạm** là *biết đầy đủ*

Chữ **A** nói là *chẳng có*, cũng nói là *chẳng không có*. Do Đức Phật hiểu thấu *Tất cả Pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đi chẳng đến, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng thêm chẳng bớt*. Đức Phật có Công Đức như vậy, cho nên gọi là **Bạc Già Phạm**

Lại giải thích rằng **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) có đủ hai loại tư lương **Phước** (Punya) **Trí** (Jñāna). Hai loại **tư lương** (Sambhāra) là **Bà Nga Phộc Đế** (Bhagavatī) nghĩa là *tiếng của nữ*, giải thích như lúc trước

Câu theo Mật giải thích chữ **Bà** là một chữ làm chủng tử. Chữ **Bà** (Bha) là *Tất cả Pháp Hữu chẳng thể đặc*. **Hữu** (Bhava) nghĩa là **ba Hữu** (ba cõi), cho nên **ba cõi duy Tâm**. Do Tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm, do Tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh.

Nếu y theo Hiền Giáo, quán hành **Bát Nhã**, tác làm **Sinh Nhân** (Mầm nhân để sinh ra Quả), **Hiển Nhân** (Mầm Nhân để hiển lộ quả) hay sinh ra tất cả Phật Bồ Tát, thế nên có tên gọi là **Phật Mẫu** (Buddha-Māta)

Từ lúc trước liền nói, phần sau đến câu của Phật Mẫu. Ở trong **Du Già Giáo** (Yoga-sāstra), thành 16 Hạnh của **Phổ Hiền Hạnh** (Samanta-bhadra-caryā) như 16 Hạnh trong **Kiến Đạo** (Darśana-mārga) của **Thanh Văn Thừa** (Śrāvaka-yāna)

A la nãi, ca la nãi, A la noa, ca la nãi (Araḍai karaḍai araḍa karaḍa)

Môn chữ A (𑖀) là *tất cả Pháp vốn chẳng sinh*

Do biết tất cả Pháp vốn chẳng sinh, liền nhập vào tất cả Pháp lia bụi bặm. Thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) nghĩa là *Tất cả Pháp lia bụi bặm*

Do biết tất cả Pháp lia bụi bặm, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có kiện cãi, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍai) là *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt.*

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có tạo làm, thế nên Môn chữ **Ca** (𑖀:Ka) là *Tất cả Pháp không có tạo làm.*

Do biết tất cả Pháp không có tạo làm, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp trong sạch, thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) là *Tất cả Pháp trong sạch.*

Do biết tất cả Pháp trong sạch, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍa) là *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt.*

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, thế nên Môn chữ **A** (𑖀:A) là *Tất cả Pháp xưa nay vắng lặng.*

Do biết tất cả Pháp xưa nay vắng lặng, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có dơ bẩn, thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) nghĩa là *Tất cả Pháp không có dơ bẩn.*

Do biết tất cả Pháp không có dơ bẩn, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có tranh đoạt, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍa) là *Tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt.*

Do biết tất cả Pháp không có kiện cãi tranh đoạt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có tạo làm, thế nên Môn chữ **Ca** (𑖀:Ka) là *Tất cả Pháp không có tạo làm.*

Do biết tất cả Pháp không có tạo làm, cho nên liền nhập vào Trí không có phân biệt, thế nên Môn chữ **La** (𑖀:Ra) là *Tất cả Pháp không có phân biệt.*

Do biết tất cả Pháp không có phân biệt, cho nên liền nhập vào tất cả Pháp không có lay động, thế nên Môn chữ **Nãi** (𑖀:Ḍa) là *Tất cả Pháp không có lay động.*

Do biết tất cả Pháp không có lay động, cho nên liền nhập vào **Ma Hạ Bát Nhã Ba La Mật** (Mahā-prajñā pāramitā)

Ma hạ bát-la chỉ-nhuơng, bá la nhĩ đế (Mahā-prajñā pāramite)

Câu theo Hiền giải thích là *Ma Hạ Đại Tuệ đến bờ bên kia*. Vì chứng được Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nương tựa Vô Trụ Niết Bàn

Sa-phộc hạ (Svāhā)

Câu theo Hiền giải thích là *Vô Trụ Niết Bàn*, tức nương tựa Vô Trụ Niết Bàn cho đến bờ mé vị lai, rộng lợi lạc cho vô biên hữu tình.

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI THÍCH

(Giải thích **Nhân Vương Bát Nhã Đà La Ni**)

MỘT QUYỀN (Hết)

韋陀天將



二十四诸天之韦陀天将
Skanda, the Temple Guardian

昵图网 www.nipic.com

BY: wawendigital

NO:20100622180727383871